

Điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19

Phạm Thị Hoàng Anh

Học viện Ngân hàng

Hoàng Ngọc Phượng

Agribank chi nhánh Tuyên Quang

Ngày nhận: 07/01/2022

Ngày nhận bản sửa: 11/01/2022

Ngày duyệt đăng: 18/01/2022

***Tóm tắt:** Sau khi gia nhập WTO, độ mở của nền kinh tế Việt Nam đã không ngừng tăng lên. Từ mức 64,3% GDP năm 2008 đến nay độ mở của nền kinh tế đã vượt 200% GDP, trở nên dễ tổn thương và nhạy cảm với các cú sốc bên ngoài. Vì vậy, dịch COVID-19 được đánh giá là có tác động rất mạnh, thậm chí là nghiêm trọng đến kinh tế Việt Nam. Trong đó, 3 tác động chính bao gồm (i) ảnh hưởng tiêu cực tới đầu tư và thương mại, đặc biệt là thương mại quốc tế; (ii) gián đoạn các chuỗi*

Monetary policy implementation in Vietnam during the COVID-19 pandemic

Abstract: Since joining the WTO, the openness of Vietnam's economy has continuously increased, from 64.3% of GDP in 2008 to over 200% of GDP today. As a result, Vietnam's economic openness becomes vulnerable and sensitive to external shocks. The COVID-19 pandemic is considered to have very strong, even serious impacts on the Vietnamese economy, in which, three main impacts include (i) negative impact on investment and trade, especially international trade; (ii) disruption of important production value chains; (iii) decline in domestic tourism and service consumption. The impacts on all economic activities of the COVID-19 pandemic will certainly have significant impacts on the business activities of Vietnam's banking industry, which is considered the lifeblood of the economy. In order to minimize the negative impacts of the COVID-19 pandemic on the economy in general and the banking system in particular, the State Bank of Vietnam (SBV) has implemented a comprehensive package of policy measures. This research focuses on analyzing policy measures which have been implemented by the SBV during the period of 2020-2021. Therefore, the research proposes policy recommendations for the next stage to recover the economy.

Keywords: monetary policy, COVID-19 pandemic, State Bank of Vietnam.

Pham, Thi Hoang Anh

Email: anhpth@hvn.edu.vn

Banking Academy of Vietnam

Hoang, Ngoc Phuong

Email: maikhaiquan2016@gmail.com

Agribank – Tuyen Quang Branch

giá trị sản xuất quan trọng; (iii) suy giảm tiêu dùng, dịch vụ và du lịch trong nước. Những tác động đến mọi hoạt động nền kinh tế của dịch COVID-19 chắc chắn có những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của ngành Ngân hàng Việt Nam, vốn được coi là mạch máu của nền kinh tế. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế nói chung và hệ thống Ngân hàng nói riêng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã triển khai rất nhiều các chính sách và giải pháp hỗ trợ. Bài nghiên cứu này tập trung phân tích các chính sách và giải pháp điều hành mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện trong giai đoạn 2020-2021, trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp cho giai đoạn tiếp theo giúp phục hồi nền kinh tế.

Từ khóa: chính sách tiền tệ, đại dịch COVID-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổng quan về hệ thống giải pháp ngành Ngân hàng ứng phó với dịch COVID-19

Ngay sau khi xảy ra dịch bệnh, quán triệt chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9/4/2020 và Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các giải pháp ngăn chặn, ứng phó với dịch COVID-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã chủ động

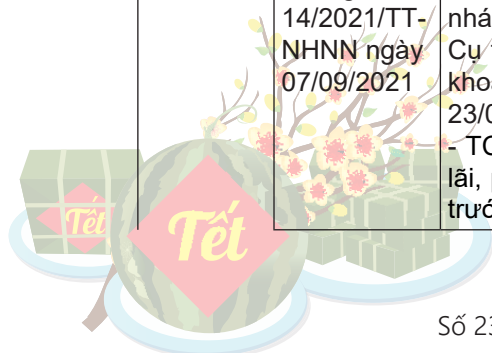
nắm bắt, đánh giá tình hình và kịp thời có các văn bản chỉ đạo các đơn vị thuộc NHNN, các tổ chức tín dụng (TCTD), hiệp hội trong Ngành triển khai các giải pháp ứng phó với dịch COVID-19, từ đó góp phần tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn ngân hàng.

Đặc biệt, trước những diễn biến phức tạp và tác động tiêu cực của dịch COVID-19 đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế- xã hội, NHNN đã khẩn trương xây dựng, ban hành một số văn bản mang tính đột phá về cơ

Bảng 1. Hệ thống giải pháp ngành Ngân hàng ứng phó với dịch COVID-19

Nhóm giải pháp	Văn bản	Nội dung
Về giải pháp tín dụng cho các khách hàng vay vốn	CV số 541/ NHNN- TD ngày 04/02/2020	Cân đối đủ nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ SXKD; Rà soát thống kê dư nợ vay bị thiệt hại để kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như cơ cấu thời gian trả nợ, xem xét miễn giảm lãi.
	CV số 1117/ NHNN- TD ngày 24/02/2020	Quy định cụ thể hơn về các biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng vay vốn, với các điều kiện sau: + Các khoản nợ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 và có dư nợ gốc và/ hoặc lãi đến kỳ hạn trả nợ trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 và đến ngày 31/3/2020; + Thực hiện trên cơ sở đề nghị của khách hàng và đánh giá của TCTD về mức độ thiệt hại, ảnh hưởng, khả năng tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ; + TCTD quy định cụ thể về: tiêu chí xác định khoản nợ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; nội dung kiểm tra, kiểm soát, giám sát đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ để thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống.

Nhóm giải pháp	Văn bản	Nội dung
	Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020	- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: + Số dư nợ gốc và/hoặc lãi thỏa mãn đủ cả 3 điều kiện: (i) Phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính; (ii) Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch COVID-19; (iii) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng dịch COVID-19. + Cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện trong các trường hợp sau: (i) Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký; (ii) Số dư nợ đã quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. - Miễn, giảm lãi, phí: Mức miễn, giảm lãi là do TCTD tự quyết định. - Giữ nguyên nhóm nợ: được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của NHNN Việt Nam tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020 đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ quy định tại Điều 4 Thông tư này; và số dư nợ được miễn, giảm lãi quy định tại Điều 5 Thông tư này. Quy định tại Thông tư 01 có tác dụng hỗ trợ rất tích cực khách hàng vay vốn. Tuy nhiên, nhìn ở một khía cạnh khác thì quy định tại Thông tư 01 ít nhiều có sự nới lỏng các quy định về phân loại nợ, giảm trích lập dự phòng rủi ro cho các TCTD, trong chừng mực nào đó có thể chưa phản ánh chính xác thực trạng chất lượng tín dụng, nợ xấu của các TCTD, có thể tiềm ẩn rủi ro cho hệ thống TCTD.
	Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021	Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020, bao gồm các nội dung sau: - NHNN đã bổ sung thêm các điều kiện để cho phép các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tái cơ cấu các khoản nợ còn lại đến hạn. Cụ thể, NHNN cho phép các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ với các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian từ ngày 23/1/2020 đến hết năm 2021. - Quy định về dự phòng rủi ro: số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung là số tiền chênh lệch giữa dự phòng cụ thể phải trích lập đối với toàn bộ dư nợ khách hàng nếu không tái cơ cấu và số trích lập trên dư nợ được cơ cấu của khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Tỷ lệ trích lập này sẽ phải đạt tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung, muộn nhất ngày 31/12/2021 và tăng lên tối thiểu 60% và 100% lần lượt tại cuối năm 2022 và 2023.
	Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021	- NHNN đã bổ sung thêm các điều kiện để cho phép các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tái cơ cấu các khoản nợ còn lại đến hạn. Cụ thể, NHNN cho phép các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ với các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến 30/06/2022. - TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 01/08/2021 từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua,



Nhóm giải pháp	Văn bản	Nội dung
		đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/06/2022
Chính sách liên quan đến phí thanh toán	Thông tư 04/2020/TT-NHNN ngày 31/03/2020	Giảm 50% mức phí giao dịch thanh toán qua Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao và phí giao dịch thanh toán qua Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020.
	Thông tư 19/2020/TT-NHNN ngày 30/12/2020	Giảm 50% mức phí giao dịch thanh toán qua Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao và Phí giao dịch thanh toán qua Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/06/2021.
	Thông tư 13/2021/TT-NHNN ngày 23/08/2021	Giảm 50% mức phí thanh toán tại điểm 1.1, 1.2 Mục 1 “Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước” Biểu phí dịch vụ thanh toán qua NHNN ban hành kèm theo Thông tư này trong khoảng thời gian từ ngày 01/09/2021 đến hết ngày 30/06/2022.
Chính sách liên quan đến lãi suất điều hành và trần lãi suất tiền gửi, tiền vay ngắn hạn	Quyết định số 418, 419 và 420/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020	- Giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6,0%/năm xuống 5,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 4,0%/năm xuống 3,5%/năm; - Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của ngân hàng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ 6,0%/năm xuống 5,5%/năm; - Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 06 tháng giảm từ 5,0%/năm xuống 4,75%/năm.
	Quyết định số 918, 919 và 920/QĐ-NHNN ngày 12/05/2020	- Giảm lãi suất tái cấp vốn còn 4,5%/năm; lãi suất tái chiết khấu còn 3,0%/năm; - Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của ngân hàng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm còn 5,0%/năm; - Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 06 tháng giảm còn 4,25%/năm;
	Quyết định số 1728, 1729 và 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020	- Giảm lãi suất tái cấp vốn còn 4,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu còn 2,5%/năm; - Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của ngân hàng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm còn 4,5%/năm; - Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 06 tháng giảm còn 4,0%/năm;
Chính sách liên quan đến công cụ tái cấp vốn	Thông tư số 05/2020/TT-NHNN (có hiệu lực ngày 07/05/2020)	Quy định về tái cấp vốn đối với NHCSXH để thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. - Số tiền tối đa: 16.000 tỷ VND - Lãi suất tái cấp vốn và tái cấp vốn quá hạn là 0% - Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày kể từ ngày giải ngân - Thời hạn giải ngân: 31/07/2020
	Quyết định số 925/QĐ-NHNN ngày 13/05/2020	NHNN quyết định tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc: - Số tiền tối đa: 16.000 tỷ VND - Lãi suất tái cấp vốn và tái cấp vốn quá hạn là 0%

Nhóm giải pháp	Văn bản	Nội dung
		- Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày kể từ ngày giải ngân - Thời hạn giải ngân: 31/07/2020
Chính sách liên quan đến tỷ lệ an toàn	Thông tư 08/2020/TT-NHNN ngày 14/08/2020	Giãn tiến độ 1 năm áp dụng tỷ lệ dùng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn. Việc lùi lộ trình áp dụng tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn thêm 01 năm tạo điều kiện cho các TCTD điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn huy động, duy trì dư nợ trung dài hạn ổn định và thực hiện các chính sách giảm lãi suất giúp khách hàng bớt khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

chế, chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, giảm thiểu thiệt hại, góp phần duy trì sản xuất kinh doanh, như (i) Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn; (ii) Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 31/03/2020 về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh COVID-19; (iii) Thông tư 04/2020/TT-NHNN về việc điều chỉnh giảm 50% phí dịch vụ thanh toán trong nước qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020; (iv) Thông tư số 05/2020/TT-NHNN¹ (có hiệu lực ngày 07/5/2020); (v) Quyết định số 925/QĐ-NHNN ngày 13/05/2020 về tái cấp vốn số tiền tối đa 16.000 tỷ đồng, lãi suất 0%/năm đối với Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc; (vi) Thông tư 08/2020/TT-NHNN về việc giãn tiến độ 1 năm áp dụng tỷ lệ dùng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, tạo điều kiện để các TCTD giảm chi phí vốn và giảm lãi suất cho vay. Các chính sách phản ứng với dịch

COVID-19 của ngành Ngân hàng được thể hiện tại Bảng 1.

2. Đánh giá chung về các giải pháp điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

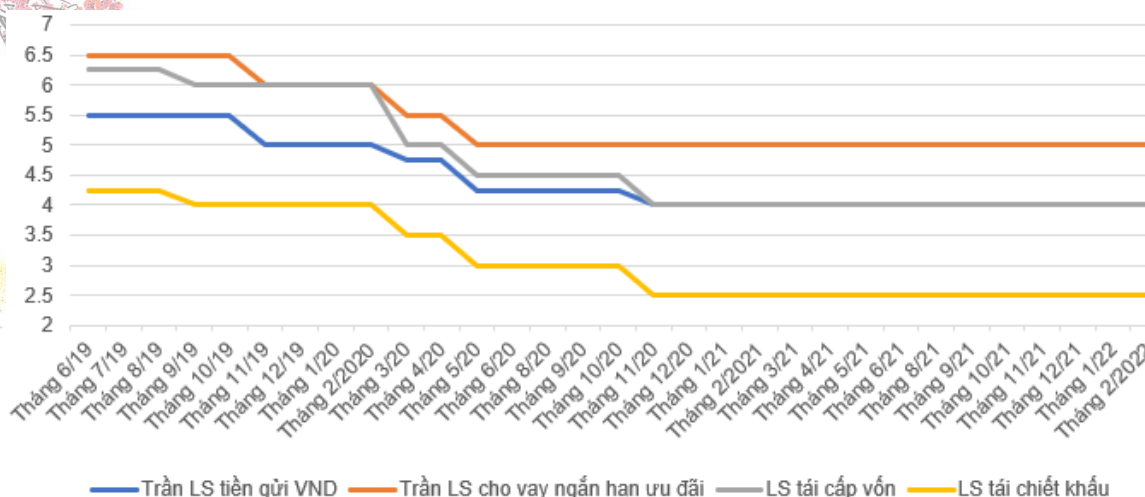
2.1. Chính sách lãi suất

Để kịp thời hỗ trợ nền kinh tế trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã 03 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất điều hành với quy mô tương đối lớn (ngày 17/03/2020, 13/5/2020, và 01/10/2020-Bảng 1) với tổng mức giảm từ 1,75- 2,25%/năm để sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, tạo điều kiện cho các TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp hơn, qua đó có điều kiện hỗ trợ khách hàng giảm chi phí vốn vay, phục hồi sản xuất kinh doanh. Theo đó, qua 3 lần giảm, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,25% xuống còn 4% và lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,25% xuống 2,5% (Hình 1). Như vậy so với các quốc gia trong khu vực thì Việt Nam là một trong những quốc gia có mức giảm lãi suất mạnh nhất (Hình 2).

Bên cạnh đó, để giảm mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường, từ đó góp phần tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn, trong năm 2021, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành ở mức thấp mặc dù

¹ Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

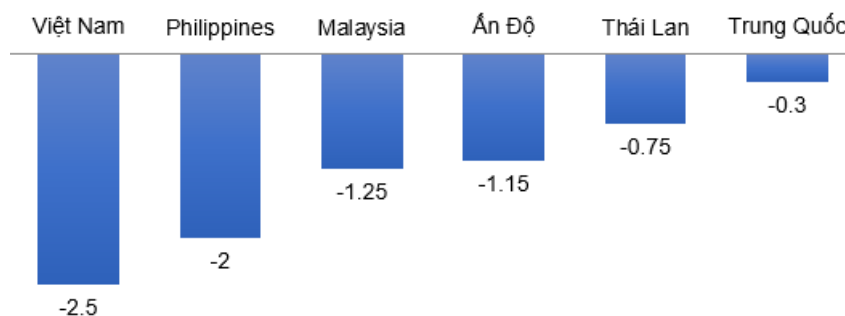
Điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19



Đơn vị: %/năm

Nguồn: NHNN

Hình 1. Diễn biến lãi suất điều hành, trần lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay ngắn hạn, giai đoạn 2019-2021



Đơn vị: %/năm

Nguồn: ADB

Hình 2. Mức giảm lãi suất điều hành tại một số quốc gia châu Á năm 2020

lãi suất thế giới tăng, nhằm giảm chi phí tiếp cận vốn từ NHNN cho TCTD, tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay. Đồng thời, NHNN ban hành nhiều văn bản chỉ đạo TCTD tiết giảm tối đa chi phí hoạt động, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, giảm chi tiêu lợi nhuận, không chia cổ tức bằng tiền mặt để tập trung giảm lãi suất cho vay. Như vậy, có thể thấy, NHNN đã điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành, qua đó giảm mặt bằng lãi suất thị trường góp phần tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn. Đồng thời, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân, NHNN

cũng điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên² của TCTD đối với khách hàng với tổng mức giảm là 1%/năm (hiện mức là 5%/năm); giảm 0,6-0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng³. Việc điều chỉnh giảm mạnh trần lãi suất cho vay VND về mức 5%/năm, sát với lãi suất huy động

² Gồm: Nông nghiệp, nông thôn; xuất khẩu; DNNVV; công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

³ Trần lãi suất tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng của TCTD là 0,2%/năm; Trần lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn của TCTD từ 1 đến dưới 6 tháng là 4,25%/năm.

ngắn hạn của TCTD thể hiện thông điệp mạnh mẽ của ngành Ngân hàng trong việc tiếp tục giảm lãi suất, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn.

Cùng với việc giảm mức lãi suất điều hành, NHNN cũng đã chỉ đạo các TCTD chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; triệt để tiết giảm chi phí hoạt động, tập trung mọi nguồn lực để giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn. Việc điều hành giảm các mức lãi suất nêu trên cùng với các giải pháp chính sách tiền tệ (CSTT) đồng bộ đã tác động làm giảm mặt bằng lãi suất huy động và cho vay. Nhờ vậy, mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 0,6- 0,8%/năm so với cuối năm 2019. Trong đó, có một số ngân hàng đã giảm từ 1- 2,5%/năm. Với trách nhiệm xã hội, đồng thời thực hiện chủ trương của Chính phủ và NHNN, các ngân hàng thương mại (NHTM) đã đưa ra nhiều gói tín dụng ưu đãi với lãi suất giảm lên tới 3% so với thời điểm trước COVID-19.

Tháng 7/2021, thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ, 16 TCTD lớn nhất hệ thống cam kết qua Hiệp hội Ngân hàng từ 15/07/2021 đến cuối năm 2021 tiếp tục giảm

lãi suất cho vay lên đến 1%/năm đối với dư nợ chịu ảnh hưởng bởi dịch, tổng số tiền lãi giảm khoảng 20.613 tỷ đồng; 04 NHTM Nhà nước dành thêm 4.000 tỷ đồng để giảm lãi suất, phí dịch vụ trong thời gian giãn cách tại các địa bàn phải áp dụng Chỉ thị 16.

2.2. Chính sách tín dụng

Như đã đề cập ở Bảng 1, nhằm ứng phó với dịch COVID-19, NHNN đã thực hiện rất nhiều các biện pháp điều hành để đáp ứng tín dụng đầy đủ, kịp thời vốn cho sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi đợt dịch COVID-19, nhưng vẫn phải kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Theo đó, NHNN điều hành tín dụng theo chỉ tiêu định hướng xây dựng đầu năm phù hợp với mục tiêu tăng trưởng, lạm phát của Chính phủ và Quốc hội; đồng thời, linh hoạt xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng trên cơ sở đề nghị của các TCTD để các TCTD có thêm dư địa, điều kiện hỗ trợ nền kinh tế, ưu tiên các TCTD thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của NHNN về giảm lãi suất cho vay.

Một trong những chính sách được đánh giá cao trong giai đoạn này đó là NHNN

Bảng 2. Các gói tín dụng ưu đãi và thay đổi lãi suất cho vay của một số NHTM trong năm 2020-2021

Ngân hàng	Gói tín dụng ưu đãi	Lãi suất cho vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	- Chương trình tín dụng ưu đãi 100.000 tỷ đồng dành cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; - Các chương trình ưu đãi phí thanh toán, chuyển tiền; - Gói tín dụng tiêu dùng góp phần hạn chế tín dụng đen... - Gói tín dụng được tập trung vào sản xuất kinh doanh, tăng trưởng xanh, năng lượng sạch, ứng dụng công nghệ cao,... phù hợp với chủ trương của Chính phủ và NHNN.	- Lãi suất cho vay thấp hơn từ 0,5- 2,5% so với trước khi có dịch bệnh COVID-19, bão lũ

Ngân hàng	Gói tín dụng ưu đãi	Lãi suất cho vay
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	- Gói vay vốn trung dài hạn “Đồng hành, Vươn xa” lên 60.000 tỷ đồng cho khách hàng cá nhân; - Gói tín dụng ưu đãi hỗ trợ khách hàng với quy mô lên đến 93.000 tỷ đồng - Gói cho vay ưu đãi ngành Y công tác tại các Bệnh viện, Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) trên toàn quốc đã ký kết hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 năm trở lên hoặc hợp đồng lao động không thời hạn hoặc đã được vào biên chế: Thời gian triển khai đến hết 31/12/2022	- Lãi suất trung dài hạn giảm đến 0,4%/năm ở một số kỳ hạn. - Lãi suất cho vay khách hàng DN giảm từ 2,5%- 3,0%/năm so thời điểm trước dịch COVID-19.
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	Gói cho vay sản xuất kinh doanh, mua nhà, xây sửa nhà, mua ô tô... đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME).	- Giảm 10% số tiền lãi phải trả ngân hàng cho các khách hàng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch COVID-19. Thời gian giảm lãi suất từ ngày 15/04/2020 đến hết ngày 30/09/2020. - Giảm 5% số tiền lãi phải trả ngân hàng các khách hàng bị ảnh hưởng gián tiếp bởi dịch COVID-19. Thời gian giảm lãi suất từ ngày 15/04/2020 đến 30/06/2020.
Ngân hàng Chính sách Xã hội	- Cho vay giải quyết việc làm, hỗ trợ người nghèo và đối tượng chính sách - Gia hạn nợ cho 5.781 món vay; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho 606 món với số tiền gốc hơn 14,4 tỷ đồng. Cho vay bổ sung để duy trì và khôi phục sản xuất kinh doanh 1.757 món vay với số tiền trên 51,6 tỷ đồng. - Cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc đối với người lao động với lãi suất 0%.	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

đã khẩn trương, kịp thời ban hành chính sách và chỉ đạo các TCTD triển khai cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, miễn giảm lãi, phí để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người vay vốn bị tác động tiêu cực từ đại dịch ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề. Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 đã được NHNN ban hành ngay khi đại dịch bùng phát trong nước, được rà soát, chỉnh sửa và bổ sung 02 lần trong năm 2021 để phù hợp với diễn biến ngày càng phức tạp của đại dịch, hỗ trợ phạm vi lớn hơn các khoản nợ với

thời hạn hỗ trợ kéo dài đến 30/06/2022 (tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021). Việc giãn thời hạn trả nợ cho khách hàng mà không bị chuyển sang nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn bản chất giống như hạ chuẩn cho vay; đồng thời khuyến khích các TCTD cho vay mới để khách hàng duy trì sản xuất kinh doanh. Từ 23/01/2020 đến 27/09/2021, các TCTD đã: (i) cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ với dư nợ khoảng 531.000 tỷ đồng; (ii) miễn, giảm, hạ lãi suất

cho 1,7 triệu khách hàng với dư nợ 2,5 triệu tỷ đồng; (iii) Cho vay mới lãi suất thấp hơn trước dịch với doanh số đạt trên 5,2 triệu tỷ đồng cho trên 800.000 khách hàng.

2.3. Các công cụ khác của chính sách tiền tệ

NHNN tiếp tục điều hành nghiệp vụ thị trường mở, công cụ tái cấp vốn linh hoạt thông qua chào mua, bán giấy tờ có giá với khối lượng, kỳ hạn phù hợp, hỗ trợ kịp thời thanh khoản cho các TCTD, góp phần ổn định thị trường tiền tệ. Trong điều kiện vốn khả dụng dư thừa các tháng đầu năm sau dịp Tết Nguyên đán, NHNN đã thực hiện chào bán tín phiếu NHNN với khối lượng, kỳ hạn và lãi suất phù hợp nhằm chủ động kiểm soát lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và mua ngoại tệ tăng dự trữ ngoại hối nhà nước nhưng vẫn duy trì vốn khả dụng ở mức hợp lý. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều hành đồng bộ các công cụ khác như giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các TCTD; tái cấp vốn theo các chương trình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xem xét hỗ trợ nguồn vốn giải quyết nợ xấu...

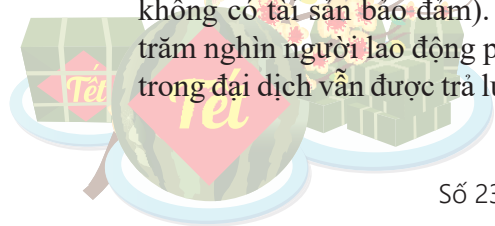
NHNN đã thực hiện tái cấp vốn 42,9 tỷ đồng cho NHCSXH để cho vay 245 người sử dụng lao động trả lương ngừng việc cho 11.276 lao động; để cho vay trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất với quy mô tái cấp vốn tối đa 16.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP (ngày 09/04/2020) và Nghị quyết số 154/NQ-CP (ngày 19/10/2020). Đồng thời NHNN đã tái cấp vốn 462 tỷ đồng để NHCSXH cho vay 918 khách hàng vay vốn trả lương cho 130.741 lượt người lao động (nằm trong gói 7.500 tỷ đồng theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/07/2021, lãi suất 0%/năm, không có tài sản bảo đảm). Theo đó, hàng trăm nghìn người lao động phải ngừng việc trong đại dịch vẫn được trả lương, góp phần

thực hiện chính sách an sinh, xã hội, giúp doanh nghiệp duy trì lao động để phục hồi sản xuất khi dịch bệnh được kiểm soát.

2.4. Thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số trong ngành Ngân hàng

Trước bối cảnh đại dịch, NHNN đã chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) và phát triển công nghệ, dịch vụ ngân hàng hiện đại như một giải pháp quan trọng góp phần hạn chế những nguy cơ lây nhiễm của dịch bệnh COVID-19. Cụ thể, NHNN đã tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tại Đề án phát triển TTKDTM (Quyết định 2545/QĐ-TTg ngày 31/12/2016). Năm 2020, hoạt động TTKDTM tiếp tục có sự chuyển biến mạnh mẽ nhằm hạn chế nguy cơ của dịch bệnh. Về cơ bản những cải thiện đã đạt được mục tiêu đề ra, thể hiện ở những mặt sau: (i) Cơ sở hạ tầng và công nghệ được chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả; (ii) Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng được đổi mới về mô hình và gia tăng các dịch vụ thanh toán, quyết toán mới; hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt, tiếp tục phát huy vai trò là Hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia; (iii) Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử tiếp tục tăng trưởng mạnh; (iv) Thanh toán qua điện thoại di động và Internet phát triển mạnh; (v) Thanh toán điện tử trong khu vực dịch vụ công tiếp tục được triển khai rộng rãi.

Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu công nghệ mới từ Cách mạng Công nghiệp 4.0 trong hoạt động thanh toán, NHNN đã tích cực nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp thí điểm các mô hình, công nghệ mới, như: (i) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán



cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money); (ii) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng trình Chính phủ; (iii) Nghiên cứu để bổ sung các quy định pháp lý phù hợp đối với các sản phẩm, mô hình, dịch vụ, phương tiện thanh toán mới gắn với cách mạng công nghiệp 4.0 như ngân hàng số, công nghệ định danh và nhận biết khách hàng điện tử (eKYC); nghiên cứu, tìm hiểu công nghệ Blockchain ứng dụng trong lĩnh vực thanh toán; ứng dụng công nghệ công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) vào một số lĩnh vực ngân hàng... Hiện nay, nhiều ngân hàng trong nước đã ứng dụng các công nghệ tiên tiến, giải pháp mới vào hoạt động thanh toán nhằm tăng tốc độ thanh toán, tăng cường an toàn, bảo mật dịch vụ, gia tăng trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng như: xác thực sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt); thanh toán trên nền mã phản hồi nhanh (QR code); mã hóa thông tin thẻ (Tokenization); thanh toán phi tiếp xúc (contactless payment); thanh toán trên thiết bị di động (mPOS)...

NHNN cũng đã chủ động, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ trong việc đưa vào vận hành Cổng dịch vụ công Quốc gia tích hợp chức năng thanh toán trực tuyến, trong đó đã hoàn thành tích hợp 02 dịch vụ công đầu tiên là nộp thuế phí trước bạ ô tô xe máy và Bảo hiểm xã hội; đến cuối tháng 10/2021 đã có hơn 11 nghìn hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia với giá trị giao dịch khoảng 5 tỷ đồng/tháng.

2.5. Tỷ giá và thị trường ngoại hối

NHNN đã điều hành linh hoạt tỷ giá dưới tác động tiêu cực của các yếu tố tâm lý gây nên bởi lo ngại dịch COVID-19. Nhờ đó,

trong cả năm 2020, tỷ giá và thị trường ngoại tệ ổn định.

Giai đoạn 2020-2021, thị trường ngoại hối có những diễn biến khá trái chiều khi tỷ giá trên thị trường chính thức giảm, trong khi giá USD trên thị trường tự do vẫn có xu hướng tăng. Cụ thể, tính đến thời điểm 31/12/2021, trong khi giá USD tại NHNN, và NHTM giảm tương ứng 0,02%, và 1,33% thì giá USD tại thị trường tự do Hà Nội tăng tới 1,35%. Không những thế, Hình 3 còn cho thấy có những thời điểm tỷ giá biến động khá mạnh. Tuy nhiên, nhìn tổng thể thì tỷ giá năm 2020-2021 ổn định trên cả 2 thị trường chính thức và tự do, nằm trong định hướng điều hành của NHNN. Tuy nhiên, có thể thấy thị trường ngoại hối có 3 điểm đặc biệt so với các năm trước đây, đó là:

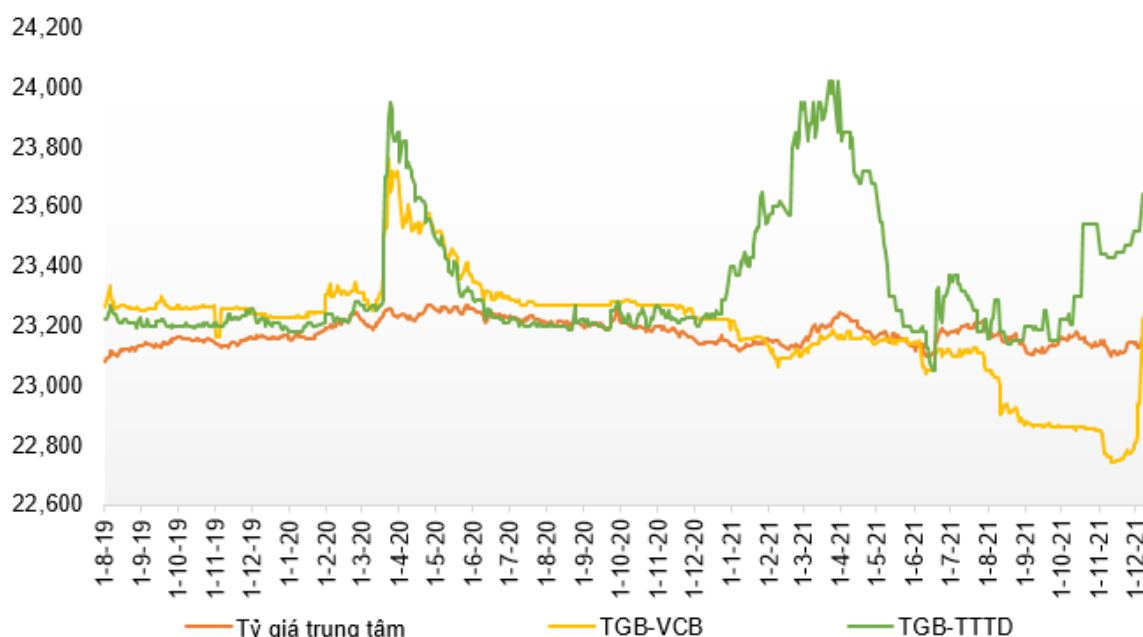
Thứ nhất, trong 2 năm liên tiếp, tỷ giá đều biến động khá mạnh trong quý 1. Cụ thể, những tháng đầu năm 2020, do tác động của dịch COVID-19, nền kinh tế- tài chính toàn cầu biến động nhanh, phức tạp, tâm lý trên thị trường có thời điểm bị tác động tiêu cực khiến tỷ giá (USD/VND) tăng mạnh, đạt đỉnh ngày 23/03/2020. Tại thời điểm đó, tỷ giá tại các NHTM giao dịch quanh mốc 23.760, còn tỷ giá trên thị trường tự do chạm mốc 23.900 (Hình 3). Trong khi đó, diễn biến tỷ giá vào quý 1 năm 2021, tỷ giá trên thị trường tự do tăng khá mạnh lên mốc 24.000, trong đó có nguyên nhân từ yếu tố tâm lý khi có thông tin Việt Nam bị Mỹ đưa vào danh sách “thao túng tiền tệ” (tháng 12/2020).

Tuy nhiên, NHNN đã điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, điều chỉnh giảm tỷ giá bán can thiệp và sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp, đồng thời chủ động truyền thông chính sách để bình ổn tâm lý thị trường. Nhờ đó, tỷ giá giao dịch tại các NHTM và trên thị trường tự do giảm dần

và quay trở lại ổn định vào các tháng còn lại trong năm.

Thứ hai, lần đầu tiên kể từ năm 2007, thị trường mới chứng kiến lại sự tăng giá của VND trên thị trường chính thức. Nguyên nhân của diễn biến này là do rất nhiều yếu tố thuận lợi hỗ trợ cung ngoại tệ trên thị

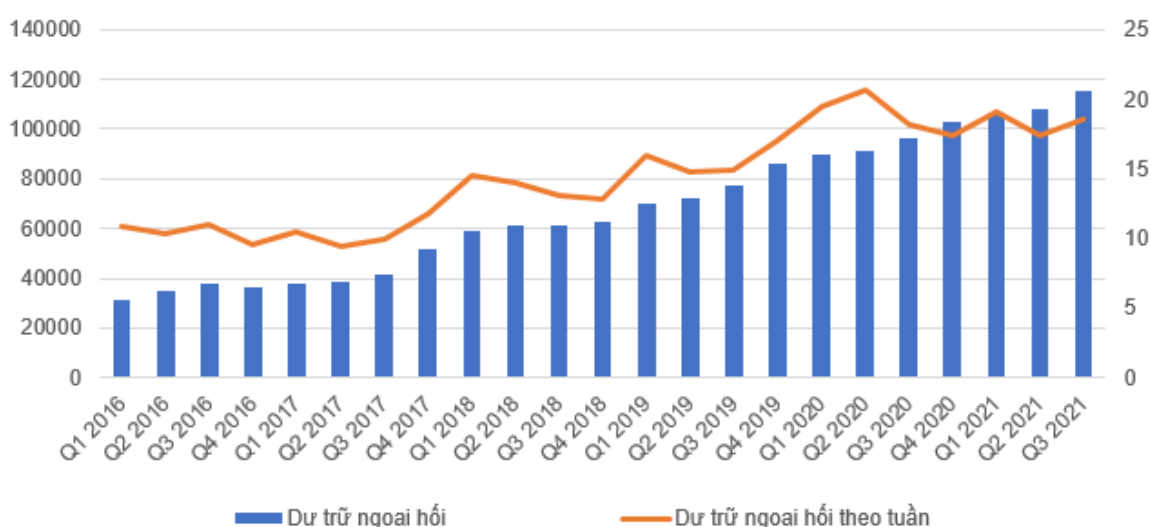
trường. Có thể kể đến, (i) cán cân thương mại năm tiếp tục xuất siêu trong giai đoạn 2020-2021 cho dù đại dịch COVID-19; (ii) vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 vẫn đạt con số cao (20 tỷ) cho dù giảm khoảng 2% so với năm trước; (iii) dòng kiều hối và các dòng vốn tài trợ khác



Ghi chú: TGB: Tỷ giá bán, TTDD: Thị trường tự do

Nguồn: NHNN và VCB

Hình 3. Diễn biến tỷ giá trên thị trường ngoại hối, tháng 8/2019- 12/2021



Đơn vị: triệu USD- trục tung bên trái; tuần nhập khẩu- trục tung bên phải
Nguồn: NHNN và tính toán từ Cán cân Thanh toán quốc tế của Việt Nam

Hình 4. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam, giai đoạn 2016-2021



vẫn tiếp tục tăng trong năm 2020.

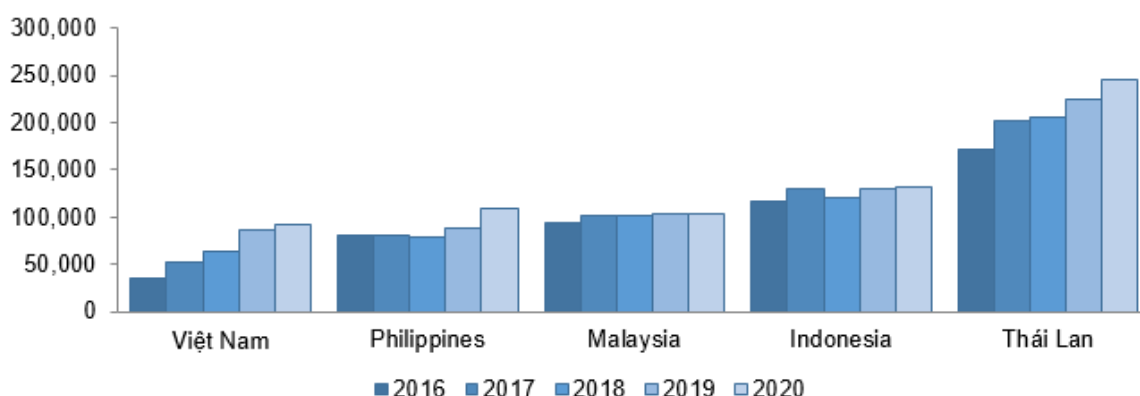
Dự trữ ngoại hối tăng kỷ lục góp phần đảm bảo an ninh tiền tệ và ổn định tài chính. Mặc dù dịch COVID-19 đã có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam, nhưng có lẽ dự trữ ngoại hối tăng kỷ lục (chạm mốc 100 tỷ USD tính đến hết năm 2020) là một điểm sáng lớn trong bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam. Hình 4 cho thấy, tính theo số tuyệt đối, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã tăng gấp 3,7 lần so với thời điểm đầu năm 2016, đạt con số kỷ lục khoảng 115 tỷ vào quý 3 năm 2021. Ở khía cạnh khác, dự trữ ngoại hối theo tuần nhập khẩu của Việt Nam cũng tăng mạnh so với các năm trước khi đạt mức 18-20 tuần nhập khẩu. Dự trữ ngoại hối tăng kỷ lục đã góp phần đảm bảo an ninh tiền tệ, thanh toán và ổn định tài chính.

3. Kết luận và các khuyến nghị chính sách trong điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để ứng phó với đại dịch COVID-19

Bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cho thấy cơ quan quản lý có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định và tâm lý thị trường trong điều kiện thị trường có nhiều biến động. Sự can thiệp sớm và

quyết liệt của cơ quan quản lý đã giúp điều chỉnh thị trường theo hướng tích cực hơn, cụ thể như việc chính quyền các nước tăng cường can thiệp tiền tệ, hỗ trợ thanh khoản cho thị trường trái phiếu và hệ thống ngân hàng, tìm cách thiết lập kênh hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng trung ương (NHTW) khác. Ngoài ra, tổng hợp chính sách phản ứng cho thấy chính sách hỗ trợ đang được thực hiện mức độ lớn và rất đa dạng, từ các công cụ truyền thống như CSTT, tài khóa, điều chỉnh quy định an toàn cho đến các chính sách hỗ trợ trực tiếp như phát tiền cho công dân... Việc này đã giúp ổn định thị trường cũng như tâm lý nhà đầu tư (IMF, 2020). Có thể thấy rằng, trong giai đoạn 2020-2021, NHNN đã điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng các công cụ của CSTT góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ đặc lực nền kinh tế ứng phó với tác động bất lợi của đại dịch. Bài nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị chính sách đối với công tác điều hành CSTT trong năm 2022 như sau:

Thứ nhất, trong thời gian qua, CSTT và chính sách tài khóa (CSTK) đã phối hợp tốt trong việc đề xuất chính sách hỗ trợ nền kinh tế. Trong thời gian tới, CSTT không còn nhiều dư địa để tiếp tục triển khai các công cụ chính sách đã thực hiện, trừ công



Đơn vị: triệu USD

Nguồn: ADB Key Indicators, 2020

Hình 5. Dự trữ ngoại hối của một số quốc gia trong khu vực châu Á, giai đoạn 2016-2020

cụ hạn mức tăng trưởng tín dụng. Tuy nhiên, dịch bệnh COVID-19 tiềm ẩn nguy cơ tăng nợ xấu cộng với tỷ lệ tín dụng/GDP của Việt Nam thuộc nhóm cao nhất thế giới và có xu hướng tăng đã khiến các tổ chức xếp hạng tín nhiệm cảnh báo chất lượng bảng cân đối của TCTD suy giảm do dịch COVID-19 có thể dẫn đến nguy cơ giảm hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam.

Thứ hai, chính sách lãi suất cần tiếp tục duy trì ổn định, khó có thể tiếp tục giảm sâu trong năm 2022 do lãi suất huy động đã chạm lạm phát kì vọng và nhiều áp lực lạm phát đang có nguy cơ trở lại. Hơn nữa, khi lãi suất huy động và cho vay giảm trong thời gian dài, có thể khiến dòng tiền đổ vào và làm tăng “nóng” thị trường chứng khoán, bất động sản, tiềm ẩn rủi ro đối với ổn định tài chính quốc gia. Chính vì vậy, một số quốc gia trên thế giới như Mỹ, Nhật,

khu vực tiền tệ chung châu Âu bắt đầu có tín hiệu thực hiện thắt chặt CSTT do nguy cơ lạm phát. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần điều hành CSTT linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Thứ ba, cần phối hợp chặt chẽ CSTT với CSTK triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, DN nói chung và DNVVN nói riêng. Cụ thể, NHNN cần đề xuất, xây dựng và triển khai các gói hỗ trợ/cấp bù lãi suất cho một số ngành, lĩnh vực đặc thù, hỗ trợ khôi phục kinh tế. Việc hỗ trợ lãi suất cho DN khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh trong bối cảnh hiện nay là cần thiết. Theo kinh nghiệm quốc tế, hỗ trợ/cấp bù lãi suất cho các DN nhằm ứng phó và phục hồi trong điều kiện bình thường mới được thực hiện chủ yếu bằng nguồn lực Nhà nước. ■

Tài liệu tham khảo

ADB, *ADB Key Indicators*, truy cập tại link <http://www.adb.org/publications/series/key-indicators-for-asia-and-the-pacific>.

International Monetary Fund, 2020, “Global Financial Stability Overview: Markets in the Time of COVID-19”, *Global Financial Stability Report*, April, International Monetary Fund, Washington, DC.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Thống kê Báo cáo Cán cân Thanh toán quốc tế*, truy cập tại link https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/tk/ccttqt?_afzLoop=17447726635297311#%40%3F_afzLoop%3D17447726635297311%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D8nvms48m_58

Phạm Thị Hoàng Anh và cộng sự (2021). *Đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam*. Đề án khoa học cấp ngành. ĐANH.001/20.

Một số website tham khảo: www.sbv.gov.vn; www.vietcombank.com.vn

